

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam**  
**từ năm 2024 đến năm 2030**

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành chương trình phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 104/TTr-SVHTTDL ngày 17/5/2024; UBND tỉnh ban hành kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam từ năm 2024 đến năm 2030 với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:** Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam từ năm 2024 đến năm 2030; tập trung các nguồn lực để xây dựng và phát triển đội ngũ huấn luyện viên (HLV), vận động viên (VĐV) thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam đảm bảo về số lượng, chất lượng, đủ trình độ huấn luyện, tham gia thi đấu và giành thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế; từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện, đào tạo để nâng cao thành tích thể thao cải thiện vị trí Quảng Nam trên đấu trường quốc gia.

**2. Yêu cầu:** Xây dựng kế hoạch phải cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; huy động mọi nguồn lực của các cấp, các ngành và toàn xã hội tham gia thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

- Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất để đáp ứng cho công tác đào tạo, huấn luyện nâng cao thành tích thi đấu các môn thể thao mà Quảng Nam có thế mạnh.

- Xây dựng lực lượng HLV, VĐV thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 có kinh nghiệm, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao trong huấn luyện, tham gia thi đấu và đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế; củng cố và mở rộng các môn thể thao thế mạnh, khai thác và phát triển các môn thể thao tiềm năng, tạo bước đột phá mới về thành tích thi đấu để đạt vị thứ cao trong các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc.

- Tạo động lực để phát triển phong trào thể dục thể thao, từng bước huy động các nguồn lực xã hội hóa thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục thể thao quần

chúng sâu rộng trên toàn tỉnh tạo điều kiện cho phát triển thể thao thành tích cao.

- Hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo các đội bóng đá trẻ từ U11 - U21 tập trung huấn luyện, tham gia các giải thi đấu bóng đá trẻ cấp quốc gia; tạo nguồn nhân lực dồi dào và chất lượng bổ sung cho Đội Bóng đá Quảng Nam.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Giai đoạn 2024 - 2026**

- Tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026, phấn đấu đạt từ 06 đến 08 huy chương vàng.

- Số giải tham gia thi đấu: 50 giải/năm (môn bóng đá tham gia 9 giải), trong hệ thống thi đấu giải khu vực, quốc gia, quốc tế; ưu tiên các giải vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia và giải quốc tế.

- Phấn đấu mỗi năm đạt từ 120-150 huy chương các loại tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế; trong đó: giải vô địch quốc gia và giải vô địch trẻ quốc gia đạt từ 15 huy chương vàng trở lên. Đối với môn Bóng đá phấn đấu vượt qua vòng loại bảng và tham dự Vòng chung kết các Giải Bóng đá trẻ Quốc gia.

- Phấn đấu mỗi năm có 20-25 VĐV đạt cấp kiện tướng quốc gia và 45-50 vận động viên đạt cấp I quốc gia; từ 15-17 VĐV được triệu tập các đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia.

### **2.2. Giai đoạn 2027 - 2030**

- Tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ XI năm 2030, phấn đấu đạt từ 08 đến 10 huy chương vàng.

- Số giải tham gia thi đấu: từ 50 đến 55 giải/năm (môn bóng đá tham gia 9 giải), trong hệ thống thi đấu giải khu vực, quốc gia, quốc tế; ưu tiên các giải vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia và giải quốc tế.

- Phấn đấu mỗi năm đạt từ 150-200 huy chương các loại tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế; trong đó: giải vô địch quốc gia và giải vô địch trẻ quốc gia đạt từ 20 huy chương vàng trở lên. Đối với môn Bóng đá phấn đấu vượt qua vòng loại bảng và tham dự Vòng chung kết các Giải Bóng đá trẻ Quốc gia.

- Phấn đấu mỗi năm có 25-30 VĐV đạt cấp kiện tướng quốc gia và 55-60 vận động viên đạt cấp I quốc gia; từ 17-20 VĐV được triệu tập các đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia.

*(Chỉ số cụ thể giai đoạn 2024-2026 và 2027-2030 theo Phụ lục I)*

## **III. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **1. Giai đoạn 2024 - 2026**

#### **1.1. Tuyển chọn, đào tạo vận động viên:**

a) Tuyển chọn, đào tạo VĐV tập trung: Số môn là 16 môn: Taekwondo, Karate, Vovinam, Võ Cổ truyền, Wushu, Điền kinh, Bắn súng, Đua thuyền, Bóng chuyền, Bowling, Kick Boxing, Bơi, Boxing, Bóng bàn, Cầu lông và Bóng đá

(U11, U13, U15, U17, U19 và U21).

- Số lượng VĐV tập trung đào tạo là: 500 VĐV/năm (trong đó số lượng VĐV môn Bóng đá là 200 VĐV). Số lượng VĐV các cấp đội tuyển, cụ thể:

+ Đội tuyển tỉnh: 125/500 VĐV/năm, (tỷ lệ 25%).

+ Đội tuyển trẻ tỉnh: 150/500 VĐV/năm, (tỷ lệ 30%).

+ Đội tuyển năng khiếu tỉnh: 225/500 VĐV/năm, (tỷ lệ 45%).

b) Gửi đào tạo vận động viên: Hằng năm tuyển chọn từ 25 - 35 VĐV tài năng ở các môn thể thao trọng điểm gửi đào tạo, tập huấn tại các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm Thể thao các tỉnh, thành phố phát triển mạnh trong cả nước; cụ thể từng năm như sau:

- Năm 2024: 25 VĐV.

- Năm 2025: 30 VĐV.

- Năm 2026: 35 VĐV.

c) Tuyển chọn, đào tạo vận động viên tại cơ sở: Số lượng VĐV tuyển chọn, đào tạo là 160 VĐV/năm.

1.2. Phát triển đội ngũ huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên huấn luyện VĐV tập trung tại các đội tuyển của tỉnh là 54 HLV/1 năm (định mức bình quân 8 VĐV/1HLV, trong đó HLV các tuyển bóng đá trẻ là 16 HLV).

b) Huấn luyện viên huấn luyện VĐV đội tuyển năng khiếu tại cơ sở: Số lượng từ 16 đến 20 HLV/năm (định mức bình quân 10 VĐV/1HLV). Cụ thể:

- Năm 2024: 16 HLV.

- Năm 2025: 16 HLV.

- Năm: 2026: 16 HLV.

## **2. Giai đoạn 2027 - 2030**

2.1. Tuyển chọn, đào tạo vận động viên

a) Tuyển chọn, đào tạo VĐV tập trung: Số môn là 16 môn: Taekwondo, Karate, Vovinam, Võ Cổ truyền, Wushu, Điền kinh, Bắn súng, Đua thuyền, Bóng chuyền, Bowling, Kick Boxing, Bơi, Boxing, Bóng bàn, Cầu lông và Bóng đá (U11, U13, U15, U17, U19 và U21).

- Số lượng VĐV tập trung đào tạo (năm 2027 - 2028) là: 550 VĐV/năm (trong đó số lượng VĐV môn Bóng đá là 200 VĐV). Số lượng VĐV các cấp đội tuyển, cụ thể:

+ Đội tuyển tỉnh: 138/550 VĐV/năm, (tỷ lệ 25%).

+ Đội tuyển trẻ tỉnh: 165/550 VĐV/năm, (tỷ lệ 30%).

+ Đội tuyển năng khiếu tỉnh: 247/550 VĐV/năm, (tỷ lệ 45%).

- Số lượng VĐV tập trung đào tạo (năm 2029 - 2030) là: 600 VĐV/năm (trong đó số lượng VĐV môn Bóng đá là 200 VĐV). Số lượng VĐV các cấp đội tuyển, cụ thể:

+ Đội tuyển tỉnh: 150/600 VĐV/năm, (tỷ lệ 25%).

+ Đội tuyển trẻ tỉnh: 180/600 VĐV/năm, (tỷ lệ 30%).

+ Đội tuyển năng khiếu tỉnh: 270/600 VĐV/năm, (tỷ lệ 45%).

b) Gửi đào tạo vận động viên: Hằng năm tuyển chọn từ 35 đến 40 VĐV tài năng ở các môn thể thao trọng điểm gửi đào tạo, tập huấn tại các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm Thể thao các tỉnh, thành phố phát triển mạnh trong cả nước; cụ thể từng năm như sau:

- Năm 2027- 2028: 35 VĐV/năm.

- Năm 2029 - 2030: 40 VĐV/năm.

c) Tuyển chọn, đào tạo VĐV tại cơ sở: Số lượng từ 200 đến 260 VĐV/năm; cụ thể:

- Năm 2027 - 2028: 200 VĐV/năm.

- Năm 2029 - 2030: 260 VĐV/năm.

## 2.2. Phát triển đội ngũ huấn luyện viên

a) Huấn luyện viên huấn luyện VĐV tập trung tại các đội tuyển của tỉnh theo định mức bình quân 8 VĐV/1HLV, trong đó HLV các tuyển bóng đá trẻ là 16 HLV. Số lượng huấn luyện viên cụ thể như sau:

- Năm 2027 - 2028: 60 HLV/năm.

- Năm 2029 - 2030: 66 HLV/năm.

b) Huấn luyện viên huấn luyện VĐV đội tuyển năng khiếu tại cơ sở: Số lượng từ 20 đến 26 HLV/năm (định mức bình quân 10 VĐV/1HLV); Cụ thể:

Năm 2027 - 2028: 20 HLV/năm.

Năm 2029 - 2030: 26 HLV/năm.

*(Chỉ tiêu cụ thể VĐV, HLV giai đoạn 2024-2026 và 2027-2030 theo Phụ lục II)*

## 3. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao: (Phụ lục III)

3.1. Tập trung hoàn thiện các hạng mục công trình của dự án nâng cấp, cải tạo sân vận động Tam Kỳ và nhà ở cho VĐV.

3.2. Đẩy nhanh tiến độ và triển khai thực hiện xây dựng và sửa chữa các hạng mục công trình tại Khu Trung tâm TDTT tại phường Hòa Hương đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt.

3.3. Quy hoạch địa điểm và xây dựng sân tập luyện cho VĐV các đội Bóng đá trẻ của tỉnh; xây dựng nhà để thuyền, bến xuống thuyền phục vụ tập luyện và thi

đấu môn Đua thuyền.

3.4. Đầu tư xây dựng hồ bơi thể thao thành tích cao.

3.5. Cải tạo, sửa chữa hệ thống giao thông nội bộ, sân tập luyện hỗ trợ ngoài trời, tường rào, hệ thống điện nước, phòng cháy, chữa cháy, cây xanh... tại Trung tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao Quảng Nam.

3.6. Trang bị các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác huấn luyện, đào tạo VĐV theo Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam.

3.7. Xây dựng và trang bị dụng cụ 01 nhà tập luyện thể lực.

3.8. Trang bị sàn đài Kick Boxing, sàn đài Boxing, Thuyền tập (02 thuyền đua truyền thống, 01 thuyền đơn Canoeing, 01 thuyền đôi Canoeing, 01 thuyền bốn Canoeing, 01 máy kéo Rowing, 01 xuồng máy cứu nạn), súng thể thao (03 khẩu súng trường, 03 khẩu súng ngắn), 03 ống kính súng trường hơi.

3.9. Trang bị dụng cụ tại phòng tập luyện bắn súng: 10 máy bia cơ (bao gồm hệ thống đèn chiếu sáng, bàn, ghế bắn của VĐV) và 01 máy nén khí cao áp chuyên dùng bắn súng hơi thể thao.

## **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Nhiệm vụ**

1.1. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng

Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng cả về số lượng và chất lượng, nhất là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh; lấy trường học làm địa bàn trọng điểm để tuyển chọn, đào tạo tài năng trẻ; lấy kết quả thi đấu làm động lực để thúc đẩy phong trào thể thao cho mọi người phát triển toàn diện.

1.2. Xây dựng lực lượng vận động viên, huấn luyện viên

a) Đối với vận động viên

- Xây dựng hệ thống các kênh phát hiện, tuyển chọn VĐV từ cơ sở đến cấp tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện, đảm bảo số lượng vận động viên qua từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý hồ sơ VĐV trong suốt quá trình được đào tạo.

- Xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý và thực hiện quản lý chế độ dinh dưỡng phù hợp cho từng môn thể thao, từng giai đoạn huấn luyện, thi đấu.

- Đổi mới cơ chế, nội dung tổ chức tuyển chọn và đào tạo VĐV thể thao ở các tuyến một cách khoa học, hợp lý; xây dựng chương trình đào tạo VĐV tuyển cơ sở.

- Có cơ chế chính sách phù hợp khuyến khích các Liên đoàn, hội, câu lạc bộ thể thao tham gia đào tạo VĐV để cung cấp VĐV cho tỉnh và cử đi tham gia các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

b) Đối với huấn luyện viên

- Cử HLV tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ về công tác huấn luyện do Cục Thể dục thể thao, Liên đoàn, Hiệp hội thể thao các môn và Ủy ban Olympic quốc gia, quốc tế tổ chức. Tạo điều kiện thuận lợi cho các HLV có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ huấn luyện.

- Tuyển chọn VĐV có trình độ, năng lực và có kinh nghiệm thực tiễn, thành tích xuất sắc; có phẩm chất đạo đức tốt; nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp đưa đi đào tạo Đại học làm nòng cốt bổ sung lực lượng HLV kế cận sau này.

- Căn cứ kết quả huấn luyện qua từng năm và kết quả tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc để đánh giá, tuyển chọn, sắp xếp lại đội ngũ HLV phù hợp với trình độ và năng lực công tác.

## 2. Giải pháp

2.1. Tiếp tục củng cố, ổn định tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp Thể dục thể thao của tỉnh đối với Trung tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao Quảng Nam; hoàn thành Đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ cán bộ, HLV; đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch nguồn lực cán bộ quản lý, chuyên môn để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong công tác phát triển thể thao thành tích cao trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2. Xây dựng và phát triển hệ thống đào tạo, huấn luyện VĐV 04 tuyến: Đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh và đội tuyển năng khiếu đào tạo tại cơ sở; từng bước hoàn thiện hệ thống thi đấu thể thao chuyên nghiệp; thực hiện lộ trình chuyên nghiệp hóa một số môn thể thao thành tích cao gắn với hoạt động thể thao giải trí, du lịch ...; bên cạnh đó, công tác đào tạo Bóng đá trẻ của tỉnh cần được quan tâm, chú trọng tạo sự phát triển mạnh mẽ về lực lượng vận động viên kế cận đảm bảo chất lượng bổ sung cho đội tuyển Bóng đá Quảng Nam.

2.3. Tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức và ý chí quyết tâm, yêu nghề cho vận động viên; tạo điều kiện học tập và bố trí việc làm cho VĐV có nhiều thành tích công hiến thể thao của tỉnh sau khi kết thúc sự nghiệp thể thao.

2.4. Thực hiện tốt việc giáo dục thể chất trong trường học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục tổ chức giảng dạy các môn thể thao đưa vào trường học những môn thể thao có truyền thống, thế mạnh của tỉnh; tổ chức các giải thể thao học sinh hằng năm, Hội khỏe Phù Đổng theo định kỳ nhằm phát hiện tài năng, đào tạo năng khiếu tập trung tạo nguồn lực phát triển VĐV kế cận cho thể thao thành tích cao.

2.5. Gửi đào tạo và cử các VĐV tài năng ở các môn thể thao trọng điểm đi tập huấn tại các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm Thể thao các tỉnh, thành phố phát triển mạnh trong cả nước; ưu tiên chọn một số vận động viên xuất sắc có khả năng tranh chấp huy chương tại Đại hội Thể thao toàn quốc, SEA

Games và ASIAD,.. để tập huấn ở nước ngoài và thi đấu cọ xát một số giải ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận phương pháp tập luyện mới.

2.6. Thường xuyên kiểm tra, rà soát lực lượng VĐV ở các tuyến đội tuyển để lựa chọn lực lượng và phân tuyến bổ sung đào tạo VĐV theo chỉ tiêu phân tuyến tham gia các giải quốc gia và quốc tế đạt thành tích tốt; hợp đồng chuyên gia, HLV giỏi, VĐV có thành tích xuất sắc về huấn luyện và thi đấu cho tỉnh; hoàn thiện các quy trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển chọn, đào tạo, VĐV.

2.7. Đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách quy định về chế độ tiền lương, tiền dinh dưỡng, tiền thuốc bổ tăng lực, chế độ khen thưởng và các chế độ khác cho HLV, VĐV trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu; các chế độ ưu đãi về học văn hóa, chữa trị chấn thương và bệnh tật trong quá trình tập luyện, thi đấu theo quy định của Trung ương và địa phương.

2.8. Thực hiện Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật tuyển chọn, đào tạo huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam.

2.9. Phát huy vai trò của các tổ chức Liên đoàn, hội, câu lạc bộ thể thao của tỉnh trong việc phát triển vận động viên phong trào, tham gia huấn luyện, đào tạo vận động viên năng khiếu tại cơ sở và tham gia thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quốc gia, quốc tế; tăng cường công tác xã hội hóa các hoạt động thể thao, vận động và khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ cho các hoạt động thể thao của tỉnh gắn với quảng bá thương hiệu sản phẩm của Nhà tài trợ.

2.10. Phối hợp với Cục Thể dục thể thao, Liên đoàn thể thao Việt Nam, các đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho HLV tại tỉnh Quảng Nam; cử HLV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn do Cục Thể dục thể thao, Liên đoàn, Hiệp hội thể thao các môn và Ủy ban Olympic quốc gia, quốc tế tổ chức; tạo điều kiện cho các huấn luyện viên có năng lực chuyên môn tập huấn tại nước ngoài.

2.11. Mở rộng mối quan hệ liên kết, hợp đồng với các Trung tâm thể thao quốc gia, Trường Đại học Thể dục thể thao trên toàn quốc, đặc biệt là Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Đà Nẵng, Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng để tranh thủ sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị dụng cụ tập luyện, đào tạo HLV, VĐV, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực phát triển thể thao thành tích cao; Liên kết với các địa phương có nguồn lực phát triển các môn thể thao có thế mạnh trên toàn quốc để hỗ trợ chuyên môn sâu, kinh nghiệm đào tạo VĐV cho tỉnh.

2.12. Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức học văn hóa cho VĐV học tập trung tại Trung tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao Quảng Nam; phát triển phong trào thể thao trong trường học, phát hiện VĐV năng khiếu, tài năng thể thao đưa vào tập trung huấn luyện VĐV năng khiếu tuyển tỉnh.

2.13. Tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo cán bộ y học thể thao, kỹ thuật viên và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc phục hồi sức khỏe VĐV; ứng dụng khoa học công nghệ trong y học hồi phục, chăm sóc và chữa trị chấn thương trong quá trình đào tạo VĐV; ứng dụng các chỉ số khoa học trong việc tuyển chọn ban đầu đối với các VĐV năng khiếu; ứng dụng thành tựu khoa học trong việc xây dựng chương trình, giáo án huấn luyện, đào tạo VĐV; sử dụng các loại thuốc, thực phẩm chức năng phục vụ việc nâng cao thành tích thể thao và hiệu quả trong công tác đào tạo VĐV.

2.14. Đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ, kỹ thuật phục vụ công tác phát triển thể thao thành tích cao; quy hoạch khu vực nhà để thuyền, bến thuyền tập luyện, thi đấu.

## **V. KINH PHÍ**

1. Nguồn ngân sách tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ nguồn chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh trong dự toán hằng năm theo quy định. Việc lập dự toán, phân bổ và quản lý kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn xã hội hóa do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ, hỗ trợ và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

*(Chi tiết kèm theo tại Phụ lục IV, V, VI, VII, VIII).*

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam từ năm 2024 đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng kịp thời đối với VĐV, HLV đạt thành tích tại các giải thể thao quốc tế, quốc gia và Đại hội thể thao toàn quốc..., xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo chỉ tiêu phát triển thể thao thành tích cao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan tham mưu Đề án quy định về chế độ chính sách đối với HLV, VĐV theo quy định pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyển chọn và đào tạo, huấn luyện VĐV năng khiếu thể thao tại cơ sở, phát triển một số môn thể thao thế mạnh của tỉnh đưa vào giảng dạy tại các trường phổ thông tạo nguồn lực phát triển thể thao thành tích cao, xây dựng kế hoạch, chương trình học văn hóa cho các VĐV các tuyển đội tuyển tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo phân kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Trung



tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao Quảng Nam tổ chức thực hiện đào tạo hoặc hợp đồng đặt hàng đơn vị có đủ năng lực đào tạo VĐV môn bóng đá trẻ của tỉnh theo kế hoạch *(theo hình thức đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ)*.

- Xây dựng lực lượng VĐV các đội tuyển đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện tuyển chọn, huấn luyện, đào tạo có chất lượng; Tổ chức cho các đội tuyển tham gia thi đấu các giải đấu quốc gia, quốc tế đạt hiệu quả; hằng năm xây dựng kế hoạch liên kết hợp đồng với các liên đoàn, hội, câu lạc bộ thể dục thể thao của tỉnh trong việc đào tạo VĐV năng khiếu tại cơ sở huyện, thị xã, thành phố.

- Hằng năm, cân đối chỉ tiêu đào tạo từng môn trong tổng chỉ tiêu theo kế hoạch để triển khai thực hiện.

- Theo dõi, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch và kịp thời tham mưu, đề xuất giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch trong khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp ngân sách hiện hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật quy định chế độ, chính sách có liên quan.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư để xây dựng các công trình thể thao theo kế hoạch, phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh.

## **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tuyển chọn và đào tạo, huấn luyện VĐV năng khiếu thể thao tại cơ sở, đưa một số môn thể thao thể mạnh của tỉnh vào giảng dạy tại các trường phổ thông.

- Lập kế hoạch, chương trình giảng dạy văn hóa cho các VĐV tập trung tại Trung tâm Đào tạo và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh nhằm đảm bảo tốt nhất điều kiện học tập, tập luyện và thi đấu của VĐV.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các kỳ Hội khỏe Phù Đổng, các giải thể thao học sinh cấp tỉnh; kế hoạch tập huấn và thi đấu các giải thể thao, Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc; phát hiện tài năng thể thao đưa vào huấn luyện, đào tạo tuyển năng khiếu tỉnh.

## **5. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh khen thưởng kịp thời đối với VĐV đạt thành tích tại các giải thể thao Quốc gia, Đại hội, hội thi thể thao toàn quốc, quốc tế; quản lý đối với các tổ chức xã hội, tổ chức xã

hội nghề nghiệp hoạt động thể thao thành tích cao.

### **6. Sở Ngoại vụ**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc huy động các nguồn lực tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài để phát triển thể thao thành tích cao, hướng dẫn hồ sơ thủ tục cho các đoàn cán bộ, HLV, VĐV của tỉnh đi tập huấn, thi đấu tại nước ngoài và đoàn thể thao các nước đến tập huấn, thi đấu tại Quảng Nam.

### **7. Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên môi trường**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc giải quyết thủ tục đất đai để xây dựng các công trình thể thao theo kế hoạch, phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để phục vụ cho công tác đào tạo, huấn luyện VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh.

### **8. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh**

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án các công trình thể thao theo kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ để phục vụ cho công tác đào tạo, huấn luyện VĐV thể thao thành tích cao của tỉnh.

### **9. Liên đoàn, Hội thể thao Quảng Nam**

Tích cực xây dựng và phát triển thể dục thể thao phong trào quần chúng gắn với xây dựng lực lượng VĐV tuyển cơ sở tại đơn vị, địa phương; phối hợp, hỗ trợ trong công tác tuyển chọn đào tạo, bồi dưỡng VĐV thể thao năng khiếu cơ sở, phát hiện tài năng thể thao giới thiệu và tuyển chọn đào tạo VĐV năng khiếu tuyển cơ sở làm nòng cốt bổ sung các đội tuyển của tỉnh; Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng công tác trọng tài cơ sở, tham gia tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cấp tỉnh, quốc gia, điều hành công tác trọng tài cấp tỉnh, cấp quốc gia.

### **10. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch hằng năm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao của địa phương; phát hiện và cung cấp lực lượng vận động viên năng khiếu cho tỉnh; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng thiết chế thể thao, đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục, thể thao quần chúng tại địa phương, góp phần phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan trong việc tuyển chọn, phát hiện năng khiếu và huấn luyện năng khiếu thể thao trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị xây dựng kế hoạch phát triển các môn thể thao truyền thống, thế mạnh của địa phương để cung cấp, bổ sung lực lượng VĐV thành tích cao của tỉnh.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 1969/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam giải đoạn 2022-*

2025 và định hướng đến năm 2030 và Công văn số 193/UBND-KGVX ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về điều chỉnh số lượng vận động viên đào tạo các môn thể thao trong năm 2024 và 2025 tại Kế hoạch số 1969/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh).

Trên đây là Kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Quảng Nam từ năm 2024 đến năm 2030; đề nghị các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan phối hợp triển khai thực hiện đạt kết quả./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục TDTT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KGVX (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục I**

**DỰ KIẾN THÀNH TÍCH ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC; SỐ GIẢI THAM GIA THI ĐẤU, HUY CHƯƠNG, ĐẲNG CẤP, VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA, GỬI ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN TỪ NĂM 2024 ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số*

*KH-UBND ngày*

*/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

TT	Nội dung	Chỉ tiêu thực hiện		Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các kỳ Đại hội thể thao toàn quốc:</b>			
1	Đại hội Thể thao TQ lần thứ IX - 2022	Đoạt HC: 4HCV, 7HCB, 10HCB, xếp hạng 40/65 tỉnh, thành, ngành		
2	Đại hội Thể thao TQ lần thứ X - 2026	Phần đấu đạt từ 6 đến 8 HCV		
3	Đại hội Thể thao TQ lần thứ XI - 2030	Phần đấu đạt từ 8 đến 10 HCV		
<b>II</b>	<b>Số giải thi đấu, huy chương, đẳng cấp, VĐV đội tuyển QG, gửi đào tạo</b>	<b>Giai đoạn thực hiện</b>		
		<b>Giai đoạn 2024-2026</b>	<b>Giai đoạn 2027-2030</b>	
1	Số giải tham gia thi đấu:	<b>50 giải/năm</b>	<b>50 - 55 giải/ năm</b>	
2	Tổng số huy chương các loại QG, Q.tế	<b>120-150 HC/năm</b>	<b>150-200 HC/năm</b>	
3	<i>Trong đó:</i> HC giải VĐQG, VĐ trẻ QG	Từ 15 HCV trở lên	Từ 20 HCV trở lên	
	<b>Đẳng cấp:</b> <b>Kiện tướng</b>	20-25 VĐV năm	25-30 VĐV năm	
	<b>Cấp I</b>	45-50 VĐV/năm	55- 60 VĐV/năm	
4	<b>VĐV đội tuyển QG, đội tuyển trẻ QG</b>	<b>15 - 17 VĐV/năm</b>	<b>17- 20VĐV/năm</b>	
5	<b>Gửi đào tạo vận động viên</b>	<b>Từ 25-35 VĐV/năm</b>	<b>Từ 35-40 VĐV/năm:</b>	
	<i>Trong đó:</i>	2024: 25 VĐV; 2025: 30 VĐV	2027: 35 VĐV; 2028: 35 VĐV	
		2026: 35 VĐV.	2029: 40 VĐV; 2030: 40 VĐV.	

**Phụ lục II**  
**XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VẬN ĐỘNG VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN NĂM 2024 ĐẾN NĂM 2030**  
 (Kèm theo Kế hoạch số / KH-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2024 đến năm 2030														Ghi chú
		2024		2025		2026		2027		2028		2029		2030		
		VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	VĐV	HLV	
<b>I</b>	<b>Số VĐV, HLV các đội tuyển tập trung</b>	<b>500</b>	<b>54</b>	<b>500</b>	<b>54</b>	<b>500</b>	<b>54</b>	<b>550</b>	<b>60</b>	<b>550</b>	<b>60</b>	<b>600</b>	<b>66</b>	<b>600</b>	<b>66</b>	
1	Môn Taekwondo	39	5	39	5	39	5	39	5	39	5	40	5	40	5	
2	Môn Karate	39	5	39	5	39	5	39	5	39	5	40	5	40	5	
3	Môn Võ Cổ truyền	26	3	26	3	26	3	28	4	28	4	30	4	30	4	
4	Môn Vovinam	28	4	28	4	28	4	30	4	30	4	30	4	30	4	
5	Môn Điền kinh	22	3	22	3	22	3	30	4	30	4	30	4	30	4	
6	Môn Đua thuyền	28	4	28	4	28	4	35	4	35	4	35	4	35	4	
7	Môn Bắn súng	10	1	10	1	10	1	15	2	15	2	20	3	20	3	
8	Môn Wushu	25	3	25	3	25	3	28	4	28	4	30	4	30	4	
9	Môn Bowling	12	2	12	2	12	2	12	2	12	2	15	2	15	2	
10	Môn Kick Boxing	15	2	15	2	15	2	20	3	20	3	20	3	20	3	
11	Môn Bơi	4	1	4	1	4	1	10	1	10	1	20	3	20	3	
12	Môn Boxing	4	1	4	1	4	1	10	1	10	1	20	3	20	3	
13	Môn Bóng chuyền	30	4	30	4	30	4	30	4	30	4	30	4	30	4	
14	Môn Bóng bàn	4	1	4	1	4	1	10	1	10	1	20	3	20	3	
15	Môn Cầu lông	14	2	14	2	14	2	14	2	14	2	20	3	20	3	
16	Môn Bóng đá	200	16	200	16	200	16	200	16	200	16	200	16	200	16	
	<i>Đội U21 (đội tuyển tỉnh)</i>	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	
	<i>Đội U19 (đội tuyển tỉnh)</i>	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	25	2	
	<i>Đội U17 (đội tuyển trẻ tỉnh)</i>	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	
	<i>Đội U15 (đội tuyển trẻ tỉnh)</i>	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	30	3	
	<i>Đội U13 (đội tuyển NK tỉnh)</i>	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	
	<i>Đội U11 (đội tuyển NK tỉnh)</i>	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	45	3	
<b>II</b>	<b>Phân nhóm VĐV tập trung tuyển tỉnh</b>	<b>500</b>		<b>500</b>		<b>500</b>		<b>550</b>		<b>550</b>		<b>600</b>		<b>600</b>	<b>600</b>	
1	Đội tuyển tỉnh	125		125		125		138		138		150		150	150	25%
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	150		150		150		165		165		180		180	180	30%
3	Đội tuyển Năng khiếu tỉnh	225		225		225		247		247		270		270	270	45%
<b>III</b>	<b>VĐV đội tuyển Năng khiếu tại cơ sở</b>	<b>160</b>	<b>16</b>	<b>160</b>	<b>16</b>	<b>160</b>	<b>16</b>	<b>200</b>	<b>20</b>	<b>200</b>	<b>20</b>	<b>260</b>	<b>26</b>	<b>260</b>	<b>26</b>	